

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 4 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Quân

Ông Nguyễn Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2019/TLST-HNGĐ, ngày 08/3/2019, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 29/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thạch Thị S, sinh năm 1984, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: Ấp Tắc H, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh Lý Q, sinh năm 1982, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Cư trú tại: Ấp N, xã Tân H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2019, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Vào ngày 29/12/2004, chị Thạch Thị S có xác lập quan hệ hôn nhân với anh Lý Q và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vợ chồng chị có 01 đứa con chung tên Lý Thị Mỹ L, sinh ngày 23/3/2006. Hiện con chung đang sống chung với anh Q.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng chị không cùng quan điểm sống, anh Q thường xuyên say xỉn, không quan tâm chăm sóc cho chị. Năm 2008, chị về nhà cha mẹ ruột sống và từ đó hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay chị Thạch Thị S yêu cầu giải quyết:

Về hôn nhân: Chị Thạch Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Lý Q; Về con chung: Chị Thạch Thị S đồng ý cho anh Lý Q được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lý Thị Mỹ L, sinh ngày 23/3/2006 và chị S đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Chị Thạch Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 20/3/2019, bị đơn anh Lý Q trình bày:

Anh Lý Q thống nhất với chị Thạch Thị S về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung như chị S trình bày.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Anh Q và chị S sống chung với nhau nhưng tính tình không hợp, luôn bất đồng ý kiến. Vợ chồng anh sống chung được 04 năm, đến năm 2008 anh và chị S đã sống ly thân cho đến nay. Nay chị S yêu cầu được ly hôn với anh thì anh Q cũng đồng ý.

Về con chung: Lý Thị Mỹ L, sinh ngày 23/3/2006, anh Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và yêu cầu chị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lý Q thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh Lý Q yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 20/3/2019, con chung Lý Thị Mỹ L trình bày:

Em là con chung của chị Thạch Thị S và anh Lý Q. Nếu cha mẹ ly hôn, em có nguyện vọng được sống với anh Lý Q.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất với nhau:

- Về hôn nhân: Chị Thạch Thị S và anh Lý Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Thạch Thị S thống nhất cho anh Lý Q được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lý Thị Mỹ L, sinh ngày 23/3/2006 là phù hợp với nguyện vọng được sống chung với anh Q của cháu Mỹ L. Chị Thạch Thị S đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thạch Thị S và anh Lý Q thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất với nhau: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Thạch Thị S và anh Lý Q có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đúng theo quy định. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt chị S, anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị S và anh Lý Q kết hôn với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật. Xét thấy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Tuy nhiên trong thời gian sống chung vợ chồng chị có những mâu thuẫn không thể điều hoà được dẫn đến việc chị S xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị S xác định giữa chị và anh Q không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân hơn 11 năm nay, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau và ai muốn sống ra sao thì sống. Chị S yêu cầu được ly hôn với anh Lý Q, anh Lý Q cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Thạch Thị S và anh Lý Q.

[3] Về con chung: Xét thấy, trong thời gian sống ly thân thì con chung Lý Thị Mỹ L, sinh ngày 23/3/2006 do anh Lý Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Q vẫn đảm bảo nuôi dưỡng con tốt. Chị Thạch Thị S đồng ý cho anh Q được tiếp tục nuôi con chung và anh Q cũng có yêu cầu được nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu L muốn sống chung với anh Q, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thỏa thuận của các bên cho anh Lý Q được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Lý Q yêu cầu chị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, chị Thạch Thị S đồng ý nên căn cứ vào khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện của chị Thạch Thị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị S và anh Lý Q thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Thạch Thị S và anh Lý Q.

2. Về con chung: Anh Lý Q được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lý Thị Mỹ L, sinh ngày 23/3/2006 là phù hợp với nguyện vọng được sống chung với anh Lý Q của cháu Lý Thị Mỹ L. Chị Thạch Thị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lý Thị Mỹ L, sinh ngày 23/3/2006 mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 12/4/2019.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thạch Thị S phải chịu **600.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm (Trong đó án phí hôn nhân 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng 300.000 đồng) nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001271, ngày 08/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Thạch Thị S còn phải nộp tiếp 300.000 đồng. Anh Lý Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Thạch Thị S và anh Lý Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện C
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh

